

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 24/8/2025

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Hoàng Quang Anh	Nam	15/02/1996	Nghệ An	Kinh	7.7	8.5	2562/QĐ241/2025	TH013193	
2	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	10/12/2001	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	9.0	2563/QĐ241/2025	TH013194	
3	Trần Quang Đức	Nam	23/11/2001	Hà Tĩnh	Kinh	8.7	9.0	2564/QĐ241/2025	TH013195	
4	Lê Khánh Dương	Nam	15/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	9.0	2565/QĐ241/2025	TH013196	
5	Hoàng Văn Duy	Nam	23/12/2002	Thanh Hóa	Kinh	6.0	7.5	2566/QĐ241/2025	TH013197	
6	Phạm Nguyên Hà	Nam	06/3/2002	Hà Tĩnh	Kinh	8.3	9.0	2567/QĐ241/2025	TH013198	
7	Hồ Thị Hằng	Nữ	04/9/1996	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	2568/QĐ241/2025	TH013199	
8	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	10/10/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	2569/QĐ241/2025	TH013200	
9	Lương Thị Hiền	Nữ	27/02/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	2570/QĐ241/2025	TH013201	
10	Đậu Thị Thanh Hương	Nữ	25/4/1976	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	2571/QĐ241/2025	TH013202	
11	Đào Thị Huyền	Nữ	10/7/1989	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	2572/QĐ241/2025	TH013203	
12	Trần Thị Liên	Nữ	14/5/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	2573/QĐ241/2025	TH013204	
13	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	30/5/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	2574/QĐ241/2025	TH013205	
14	Phạm Văn Mạnh	Nam	02/10/1976	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	2575/QĐ241/2025	TH013206	
15	Nguyễn Quỳnh Nhi	Nữ	02/5/2002	Gia Lai	Kinh	7.3	9.0	2576/QĐ241/2025	TH013207	
16	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	16/7/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2577/QĐ241/2025	TH013208	
17	Hồ Thị Hà Phương	Nữ	09/8/2003	Hà Nội	Kinh	6.0	7.0	2578/QĐ241/2025	TH013209	
18	Dương Hồng Quân	Nữ	12/12/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	2579/QĐ241/2025	TH013210	
19	Phan Đình Quang	Nam	28/3/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2580/QĐ241/2025	TH013211	
20	Phan Thị Thanh Quý	Nữ	08/02/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2581/QĐ241/2025	TH013212	
21	Võ Thị Linh Tân	Nữ	20/5/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	2582/QĐ241/2025	TH013213	
22	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	20/01/1995	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2583/QĐ241/2025	TH013214	
23	Nguyễn Thị Thiên Thảo	Nữ	02/3/2000	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	2584/QĐ241/2025	TH013215	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
24	Vi Văn Thuận	Nam	10/7/1993	Nghệ An	Thái	6.0	7.0	2585/QĐ241/2025	TH013216	
25	Trần Thị Thủy	Nữ	18/10/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2586/QĐ241/2025	TH013217	
26	Tô Bá Toàn	Nam	18/4/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2587/QĐ241/2025	TH013218	
27	Trần Thị Linh Trang	Nữ	21/12/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	2588/QĐ241/2025	TH013219	
28	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	19/9/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2589/QĐ241/2025	TH013220	
29	Nguyễn Nho Tú	Nam	15/02/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2590/QĐ241/2025	TH013221	
30	Bùi Cẩm Tú	Nữ	15/01/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2591/QĐ241/2025	TH013222	
31	Trần Thị Ngọc Uyên	Nữ	20/6/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	2592/QĐ241/2025	TH013223	
32	Phạm Thị Vân	Nữ	26/3/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2593/QĐ241/2025	TH013224	
33	Cao Thị Hà An	Nữ	12/8/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2594/QĐ241/2025	TH013225	
34	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	22/12/1993	Quảng Trị	Kinh	5.7	7.5	2595/QĐ241/2025	TH013226	
35	Lê Thị Tú Anh	Nữ	08/7/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	2596/QĐ241/2025	TH013227	
36	Đinh Thị Giang	Nữ	28/3/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	2597/QĐ241/2025	TH013228	
37	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	20/10/2003	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	8.5	2598/QĐ241/2025	TH013229	
38	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	10/10/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2599/QĐ241/2025	TH013230	
39	Đặng Thị Hảo	Nữ	02/11/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	2600/QĐ241/2025	TH013231	
40	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	10/4/1990	Quảng Bình	Kinh	6.3	8.0	2601/QĐ241/2025	TH013232	
41	Thân Trọng Hiếu	Nam	20/9/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	9.0	2602/QĐ241/2025	TH013233	
42	Nguyễn Trần Chiến Hiệu	Nam	07/6/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	2603/QĐ241/2025	TH013234	
43	Bùi Văn Hòa	Nữ	04/02/2003	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	7.5	2604/QĐ241/2025	TH013235	
44	Nguyễn Thanh Hoài	Nữ	02/9/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2605/QĐ241/2025	TH013236	
45	Dương Thị Khánh Huyền	Nữ	25/6/2001	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	2606/QĐ241/2025	TH013237	
46	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	12/11/1999	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2607/QĐ241/2025	TH013238	
47	Lê Thị Nam	Nữ	28/5/2003	Thanh Hóa	Kinh	6.0	6.5	2608/QĐ241/2025	TH013239	
48	Đặng Thị Quỳnh Nga	Nữ	02/9/1983	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2609/QĐ241/2025	TH013240	
49	Võ Kim Ngân	Nữ	28/6/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	2610/QĐ241/2025	TH013241	
50	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	12/9/2003	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.5	2611/QĐ241/2025	TH013242	
51	Nguyễn Thị Hiếu Ngân	Nữ	11/8/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	2612/QĐ241/2025	TH013243	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
52	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Nữ	27/11/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2613/QĐ241/2025	TH013244	
53	Đào Thái Thảo Nguyên	Nữ	25/6/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2614/QĐ241/2025	TH013245	
54	Phan Thị Thanh Nhân	Nữ	16/8/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2615/QĐ241/2025	TH013246	
55	Lê Thái Hà Thành	Nam	22/11/2001	Hà Tĩnh	Kinh	8.0	9.0	2616/QĐ241/2025	TH013247	
56	Hồ Thị Phương Thảo	Nữ	18/4/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	2617/QĐ241/2025	TH013248	
57	Hà Thị Thanh Thảo	Nữ	06/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	5.3	6.5	2618/QĐ241/2025	TH013249	
58	Lê Thị Thương	Nữ	18/01/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2619/QĐ241/2025	TH013250	
59	Ngũ Thị Hoài Thương	Nữ	02/6/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	2620/QĐ241/2025	TH013251	
60	Phan Thị Hà Thương	Nữ	21/01/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2621/QĐ241/2025	TH013252	
61	Trương Thị Trang	Nữ	15/9/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	2622/QĐ241/2025	TH013253	
62	Trần Thị Thu Trang	Nữ	11/11/2003	Nghệ An	Kinh	7.3	5.5	2623/QĐ241/2025	TH013254	
63	Văn Thị Tuyết	Nữ	27/7/1992	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2624/QĐ241/2025	TH013255	

